

NGÂN HÀNG CÂU HỎI ĐỀ THI
HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (TLAW0111)
(Dùng cho hệ đại học chính quy)

Bảng trọng số trong mỗi Đề thi trắc nghiệm Pháp luật đại cương

Phần	Mức độ câu hỏi			Phân bổ câu hỏi theo phần	Ghi chú
	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3		
1	3	2	0	5	
2	7	11	2	20	
3	4	4	12	20	
4	0	1	1	2	
5	1	1	1	3	
Tổng	15	19	16	50	

Bảng lưu ngân hàng câu hỏi cho một học phần

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
1.	Nội dung nào sau đây không phải là đặc điểm của Nhà nước:	A. Nhà nước ban hành pháp luật B. Nhà nước quy định và thực hiện việc thu các loại thuế C. Nhà nước có chủ quyền quốc gia D. Nhà nước là tổ chức được hình thành trên cơ sở tự nguyện của cán bộ, công chức	D	1	1
2.	Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:	A. Tòa án nhân dân tối cao. B. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. C. Chính phủ. D. Quốc hội.	C	1	1
3.	Hình thức chính thể của nhà nước XHCN là:	A. Chính thể cộng hòa dân chủ. B. Chính thể quân chủ tuyệt đối. C. Chính thể cộng hòa quý tộc. D. Chính thể quân chủ hạn chế.	A	1	1
4.	Chức năng của nhà nước là:	A. Chức năng đối ngoại. B. Phát triển kinh tế và ổn định trật tự xã hội. C. Những phương diện hoạt động cơ bản của nhà nước. D. Chức năng đối nội.	C	1	1
5.	Trong chính thể cộng hòa dân chủ:	A. Quyền lực tối cao của nhà nước tập trung một phần trong tay người đứng đầu nhà nước B. Mọi công dân đủ điều kiện pháp luật quy định có quyền bầu cử để lập ra cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. C. Người đứng đầu nhà nước có quyền lực vô hạn. D. Chỉ tầng lớp quý tộc mới có	B	1	1

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		quyền bầu cử để lập ra cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.			
6.	Hình thức nhà nước bao gồm:	A. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị B. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ kinh tế - xã hội C. Hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ kinh tế - xã hội D. Hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị	A	1	1
7.	Đặc tính nào thể hiện bản chất của nhà nước:	A. Tính văn minh B. Tính công bằng C. Tính xã hội D. Tính dân chủ	C	1	1
8.	Cơ quan nào sau đây là cơ quan hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:	A. Viện kiểm sát nhân dân B. Ủy ban nhân dân C. Tòa án nhân dân D. Hội đồng nhân dân	B	1	1
9.	Lịch sử xã hội loài người đã tồn tại 4 kiểu nhà nước, là:	A. Chủ nô, phong kiến, tư sản, XHCN B. Chủ nô, phong kiến, tư hữu, XHCN C. Chủ nô, chiếm hữu nô lệ, tư bản, XHCN D. Địa chủ, nông nô, phong kiến, tư bản, XHCN	A	1	1
10.	Cơ quan nào sau đây là cơ quan quyền lực nhà nước:	A. Viện kiểm sát nhân dân B. Chính phủ C. Tòa án nhân dân D. Quốc hội	D	1	1
11.	Chức năng của nhà nước bao gồm:	A. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại B. Chức năng phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ an ninh trật tự xã hội C. Chức năng bảo vệ tổ quốc và phát triển quan hệ ngoại giao D. Chức năng phát triển kinh tế và đàn áp tư tưởng	A	1	1
12.	Nguồn gốc ra đời của nhà nước là:	A. Sự xuất hiện chế độ tư hữu và phân hóa giai cấp B. Ý chí của giai cấp thống trị C. Sự thỏa thuận của mọi giai cấp trong xã hội D. Sự xuất hiện chế độ tư hữu	A	1	1
13.	Hệ thống cơ quan xét xử gồm:	A. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân B. Tòa án nhân dân C. Tòa án nhân dân, Cơ quan công an D. Tất cả các phương án trên đều sai	B	1	1

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
14.	Hình thức chính thể của nhà nước bao gồm:	A. Hình thức cấu trúc và chế độ chính trị B. Chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa C. Chính thể quân chủ và chế độ chính trị D. Chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa dân chủ	B	1	1
15.	Cơ quan quyền lực của nhà nước CHXHCN Việt Nam bao gồm:	A. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp B. Quốc hội và Chính phủ C. Quốc hội và Tòa án nhân dân D. Quốc hội, Chính phủ và Tòa án nhân dân	A	1	1
16.	Cơ quan thường trực của Quốc hội là:	A. Ủy ban thường vụ Quốc hội B. Ủy ban pháp luật của Quốc hội C. Hội đồng dân tộc D. Cả ba phương án trên đều đúng	A	1	2
17.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Tỉnh chia thành huyện, thành phố thuộc tỉnh và thị xã B. Thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện C. Quận chia thành phường và xã D. Huyện chia thành xã	A	1	2
18.	Phương án nào sau đây thể hiện tính giai cấp của nhà nước:	A. Nhà nước là một bộ máy trấn áp giai cấp. B. Nhà nước là một bộ máy để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với những giai cấp khác C. Nhà nước ra đời là sản phẩm của xã hội có giai cấp D. Cả ba phương án trên đều đúng	D	1	2
19.	Đảng Cộng sản Việt Nam là thiết chế thuộc:	A. Hệ thống chính trị B. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước C. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước D. Tất cả các phương án trên đều đúng	A	1	2
20.	Cơ quan nào sau đây là cơ quan tư pháp:	A. Thanh tra Chính phủ B. Bộ Công an C. Bộ Tư pháp D. Viện kiểm sát nhân dân	D	1	2
21.	Nhà nước là:	A. Một tổ chức chính trị, một bộ máy có chức năng cưỡng chế và quản lý xã hội B. Một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy có chức năng cưỡng chế C. Một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy có chức năng quản lý xã hội D. Một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy có chức năng cưỡng chế và quản lý xã hội	D	1	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
22.	Chủ quyền quốc gia là:	A. Quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối nội B. Quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối ngoại C. Quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong vùng lãnh thổ quốc gia D. Cả ba phương án trên đều đúng	D	1	2
23.	Ủy ban thường vụ Quốc hội là:	A. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất B. Cơ quan chấp hành của Quốc hội C. Cơ quan thường trực của Quốc hội D. Cơ quan giám sát Quốc hội	C	1	2
24.	Văn bản nào có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nước ta:	A. Hiến pháp. B. Điều ước quốc tế. C. Luật. D. Nghị quyết của Quốc hội.	A	2	1
25.	Cấu trúc của hệ thống pháp luật gồm:	A. Quy phạm pháp luật và chế định pháp luật. B. Giả định, quy định, chế tài, chế định pháp luật, ngành luật. C. Chế định pháp luật và ngành luật. D. Quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật.	D	2	1
26.	Chấp hành pháp luật là:	A. Chủ thể pháp luật buộc thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật yêu cầu bằng hành động cụ thể. B. Chủ thể pháp luật kiềm chế không thực hiện những gì mà pháp luật ngăn cấm. C. Chủ thể pháp luật thực hiện quyền mà pháp luật cho phép. D. Cơ quan nhà nước áp dụng pháp luật để giải quyết các quan hệ pháp luật phát sinh trong xã hội.	A	2	1
27.	Sử dụng pháp luật là:	A. Chủ thể pháp luật buộc thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật yêu cầu. B. Chủ thể pháp luật chủ động thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật. C. Chủ thể pháp luật kiềm chế không thực hiện những gì mà pháp luật ngăn cấm. D. Cơ quan nhà nước sử dụng pháp luật để giải quyết các quan hệ pháp luật phát sinh trong xã hội.	B	2	1
28.	Năng lực chủ thể của quan hệ pháp luật bao gồm:	A. Năng lực pháp luật, năng lực hành vi và năng lực nhận thức B. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi C. Năng lực hành vi và năng lực nhận thức	B	2	1

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		D. Năng lực pháp luật và năng lực nhận thức			
29.	Cấu thành của quy phạm pháp luật bao gồm:	A. Mặt chủ quan, mặt khách quan B. Chủ thể, khách thể C. Giả định, quy định, chế tài D. Mặt khách thể và mặt chủ quan	C	2	1
30.	Có các loại chế tài của quy phạm pháp luật sau đây:	A. Chế tài hình sự, chế tài dân sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật B. Chế tài hình sự, chế tài dân sự, chế tài tài chính, chế tài hành chính C. Chế tài hình sự, chế tài dân sự, chế tài tài chính, chế tài kỷ luật D. Chế tài hình sự, chế tài dân sự, chế tài thương mại, chế tài kỷ luật	A	2	1
31.	Trong số các văn bản sau, văn bản nào là văn bản quy phạm pháp luật:	A. Thông báo B. Lệnh C. Công văn D. Bản tuyên ngôn	B	2	1
32.	Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật:	A. Quy phạm pháp luật B. Năng lực chủ thể C. Sự kiện pháp lý D. Cả ba phương án trên	D	2	1
33.	Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi:	A. Quy phạm tôn giáo B. Quy phạm xã hội C. Quy phạm đạo đức D. Cả 3 phương án trên đều sai	D	2	1
34.	Cấu thành của quan hệ pháp luật bao gồm:	A. Chủ thể, khách thể và nội dung B. Chủ thể, khách thể, mặt khách quan và mặt chủ quan C. Chủ thể, khách thể, quyền và nghĩa vụ của chủ thể D. Chủ thể, khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan, quyền và nghĩa vụ của chủ thể	A	2	1
35.	Việc Ủy ban nhân cấp xã chứng thực sơ yếu lý lịch tự thuật là hình thức thực hiện pháp luật nào:	A. Tuân thủ pháp luật B. Thi hành pháp luật C. Áp dụng pháp luật D. Sử dụng pháp luật	C	2	1
36.	Nguồn gốc ra đời của pháp luật là:	A. Sự xuất hiện chế độ tư hữu và sự đấu tranh giai cấp B. Nhà nước C. Sự thỏa thuận về ý chí của mọi giai cấp trong xã hội D. Nhân dân	A	2	1
37.	Trong lịch sử loài người có các hình thức pháp luật phổ biến sau:	A. Tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật B. Tập quán pháp và văn bản quy phạm pháp luật C. Tập quán pháp và tiền lệ pháp D. Tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật	A	2	1
38.	Chế tài có các loại sau:	A. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật và chế tài dân sự B. Chế tài hình sự và chế tài hành	A	2	1

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		chính C. Chế tài hình sự, chế tài hành chính và chế tài dân sự D. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật, chế tài dân sự và chế tài bắt buộc			
39.	Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây do Quốc hội ban hành:	A. Pháp lệnh B. Luật C. Nghị định D. Cả ba phương án trên	B	2	1
40.	Các hình thức thực hiện pháp luật bao gồm:	A. Tuân thủ pháp luật và thi hành pháp luật B. Tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật C. Tuân thủ pháp luật và áp dụng pháp luật D. Tuân thủ pháp luật, thực hiện pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật	B	2	1
41.	Nhà nước chỉ bảo đảm thực hiện quy phạm nào sau đây:	A. Quy phạm chính trị B. Quy phạm đạo đức C. Quy phạm pháp luật D. Quy phạm tôn giáo	C	2	1
42.	Cấu thành của vi phạm pháp luật bao gồm:	A. Chủ thể, khách thể B. Mặt chủ quan, mặt khách quan C. Mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể, khách thể D. Giả định, quy định, chế tài	C	2	1
43.	Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành:	A. Nghị định B. Chỉ thị C. Luật D. Pháp lệnh	D	2	1
44.	Chế tài của quy phạm pháp luật bao gồm:	A. Chế tài hình sự, dân sự, hành chính, kỷ luật B. Chế tài hình sự, dân sự, tài chính, kỷ luật C. Chế tài hình sự, kỷ luật D. Chế tài hình sự, dân sự	A	2	1
45.	Tuần đi vào đường ngược chiều bị Công an xử phạt cảnh cáo, do đó có thể xác định:	A. Tuần bị áp dụng chế tài kỷ luật B. Tuần bị áp dụng chế tài hành chính C. Tuần bị áp dụng hình phạt D. Tuần bị áp dụng chế tài dân sự	B	2	1
46.	Yếu tố nào sau đây thuộc mặt khách quan của vi phạm pháp luật:	A. Lỗi B. Hành vi C. Động cơ D. Cả 3 phương án trên đều đúng	B	2	1
47.	Luật Trọng tài Thương mại 2010 do cơ quan nào ban hành:	A. Chủ tịch nước B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội C. Quốc hội D. Chính phủ	C	2	1
48.	Chủ tịch nước có quyền ban hành:	A. Pháp lệnh, quyết định B. Lệnh, pháp lệnh	C	2	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		C.Lệnh, quyết định D. Pháp lệnh, lệnh, quyết định			
49.	Hành vi gây thiệt hại được thực hiện bởi một người điên không phải là vi phạm pháp luật, vì:	A. Hành vi đó không trái pháp luật. B. Hành vi đó không nguy hiểm cho xã hội. C. Người thực hiện hành vi không có lỗi. D. Cả ba phương án trên đều đúng.	C	2	2
50.	Khẳng định nào sau đây là sai:	A. Một người chỉ phải chịu một loại trách nhiệm pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện. B. Một người có thể phải chịu trách nhiệm hành chính và trách nhiệm kỷ luật đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện. C. Một người có thể phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm kỷ luật đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện. D. Một người có thể phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm dân sự đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện.	A	2	2
51.	Tuân thủ pháp luật là:	A.Chủ thể pháp luật kiểm chế không thực hiện những gì mà pháp luật ngăn cấm B. Chủ thể pháp luật buộc thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật yêu cầu C.Chủ thể pháp luật thực hiện quyền mà pháp luật cho phép D. Cơ quan nhà nước sử dụng pháp luật để giải quyết những công việc cụ thể phát sinh trong xã hội	A	2	2
52.	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là loại văn bản nào sau đây:	A. Văn bản quy phạm pháp luật B. Văn bản áp dụng pháp luật C. Bản án của Tòa án D. Cả ba phương án trên đều sai	B	2	2
53.	Văn bản nào sau đây là văn bản quy phạm pháp luật:	A. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân phường Định Công đối với ông Thắng về hành vi xây dựng không phép. B. Tuyên ngôn độc lập, năm 1945. C. Lệnh của Công an tỉnh Hà Nam về việc bắt khẩn cấp và khám xét nơi ở của ông Bang. D. Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính, năm 2002.	D	2	2
54.	Hành vi trái pháp luật thể hiện dưới dạng:	A. Chủ thể không thực hiện điều mà pháp luật yêu cầu B. Chủ thể thực hiện điều mà pháp	D	2	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		luật cấm C. Chủ thể sử dụng quyền vượt quá giới hạn cho phép của pháp luật D. Cả ba phương án trên đều đúng			
55.	Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật bao gồm:	A. Lỗi; động cơ; mục đích. B. Lỗi cố ý trực tiếp; lỗi cố ý gián tiếp; lỗi vô ý vì quá tự tin; lỗi vô ý vì cầu thả. C. Cá nhân hoặc tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý. D. Hành vi trái pháp luật; sự thiệt hại về mặt xã hội; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội với thiệt hại thực tế.	A	2	2
56.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong trạng thái không nhận thức, không điều khiển được hành vi của mình vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý. B. Biện pháp cưỡng chế chỉ được sử dụng khi truy cứu trách nhiệm pháp lý C. Trách nhiệm pháp lý chỉ phát sinh khi có vi phạm pháp luật. D. Trách nhiệm pháp lý là chế tài của một quy phạm pháp luật.	C	2	2
57.	Khẳng định nào sau đây là sai:	A. Nhà nước bảo đảm thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật. B. Nhà nước bảo đảm thực hiện đối với các mệnh lệnh của người có thẩm quyền. C. Nhà nước chỉ bảo đảm thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật. D. Nhà nước bảo đảm thực hiện đối với văn bản áp dụng pháp luật.	C	2	2
58.	Loại chế tài nào đã được áp dụng khi cơ quan có thẩm quyền buộc tiêu hủy số gia cầm bị bệnh mà ông Cần vận chuyển:	A. Dân sự B. Hình sự C. Kỷ luật D. Hành chính	D	2	2
59.	Năng lực hành vi của chủ thể được đánh giá qua những yếu tố nào sau đây:	A. Tuổi và trí tuệ của chủ thể. B. Sự tự do ý chí. C. Tuổi của chủ thể. D. Trí tuệ của chủ thể.	A	2	2
60.	Cơ quan nào sau đây không ban hành văn bản quy phạm pháp luật là Nghị quyết:	A. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao B. Ủy ban thường vụ Quốc hội C. Viện kiểm sát nhân dân tối cao D. Hội đồng nhân dân xã	C	2	2
61.	Tùng là bác sỹ bệnh viện. Trong ca trực của Tùng, vào lúc 8 giờ có bệnh nhân bị tai nạn xe máy cần phải phẫu thuật ngay. Mặc dù đã nắm được tình hình nhưng do có mâu thuẫn từ trước với bệnh nhân nên Tùng từ chối tiến hành phẫu thuật, hậu quả là bệnh nhân bị chết do không được cấp	A. Lỗi vô ý vì quá tự tin B. Lỗi cố ý trực tiếp C. Lỗi vô ý vì cầu thả D. Lỗi cố ý gián tiếp	D	2	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
	cứ kịp thời. Xác định hình thức lỗi của Tùng:				
62.	Phương án nào sau đây là đặc điểm riêng của quy phạm pháp luật:	A. Được nhà nước đảm bảo thực hiện B. Tính quy phạm C. Tính phổ biến D. Tính bắt buộc	A	2	2
63.	Yếu tố nào sau đây thuộc mặt chủ quan của vi phạm pháp luật:	A. Hành vi trái pháp luật B. Động cơ C. Hậu quả D. Quan hệ pháp luật bị xâm hại	B	2	2
64.	Chủ thể nào sau đây có quyền ban hành thông tư:	A. Ủy ban nhân dân B. Thủ tướng Chính phủ C. Chính phủ D. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	D	2	2
65.	Những sự kiện mà sự xuất hiện hay mất đi của chúng được pháp luật gắn liền với việc hình thành, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật được gọi là:	A. Sự kiện pháp lý B. Sự kiện thực tế C. Sự biến D. Hành vi	A	2	2
66.	Điểm khác biệt giữa vi phạm hành chính và tội phạm là:	A. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội B. Thẩm quyền xử lý vi phạm C. Thủ tục xử lý vi phạm D. Cả ba phương án trên đều đúng	D	2	2
67.	Phương án nào sau đây thể hiện tính giai cấp của pháp luật:	A. Pháp luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp B. Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị C. Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ giai cấp D. Cả ba phương án trên đều đúng	D	2	2
68.	Pháp luật là:	A. Hệ thống quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện. B. Ý chí của giai cấp thống trị. C. Ý chí của Nhà nước. D. Ý chí của nhà nước và ý chí của xã hội.	A	2	2
69.	Hành vi gây thiệt hại trong phòng vệ chính đáng không phải là vi phạm pháp luật, vì:	A. Người thực hiện hành vi không có lỗi vô ý B. Mức độ thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa C. Hành vi đó không nguy hiểm cho xã hội D. Hành vi đó không trái pháp luật	D	2	2
70.	Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây do Thủ tướng Chính phủ ban hành:	A. Quyết định B. Lệnh C. Nghị định D. Cả 3 phương án trên	A	2	2
71.	Trong mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, hãy lựa chọn phương án đúng:	A. Pháp luật vẫn có thể cao hơn điều kiện kinh tế - xã hội B. Pháp luật không thể cao hơn điều kiện kinh tế - xã hội	A	2	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		C. Pháp luật luôn luôn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội D. Cả 3 phương án trên đều đúng			
72.	Lệnh là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nào ban hành:	A. Chính Phủ B. Ủy ban thường vụ Quốc hội C. Thủ tướng Chính phủ D. Chủ tịch nước	D	2	2
73.	Chỉ thị là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nào ban hành:	A. Ủy ban nhân dân các cấp B. Thủ tướng Chính phủ C. Bộ Nội vụ D. Quốc Hội	A	2	2
74.	Chế tài kỷ luật là:	A. Biện pháp cưỡng chế của Nhà nước áp dụng cho những chủ thể vi phạm pháp luật B. Sự trừng phạt của Nhà nước dành cho mọi chủ thể vi phạm pháp luật C. Sự trừng phạt dành cho các cơ quan Nhà nước làm sai mệnh lệnh hành chính D. Biện pháp cưỡng chế có tính nghiêm khắc áp dụng cho một tổ chức vi phạm pháp luật	A	2	2
75.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Chế tài là hình phạt B. Hình phạt là một loại chế tài C. Chế tài là các biện pháp xử phạt hành chính D. Cả ba phương án trên đều đúng	B	2	2
76.	Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây do Chính phủ ban hành:	A. Thông tư B. Nghị quyết C. Nghị định D. Quyết định	C	2	2
77.	Khẳng định nào sau đây là sai:	A. Quy phạm pháp luật là một loại quy phạm xã hội B. Quy phạm pháp luật là loại quy phạm do nhà nước ban hành C. Quy phạm pháp luật là loại quy phạm điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội D. Quy phạm pháp luật là loại quy phạm mang tính giai cấp	C	2	2
78.	Hành vi nào sau đây chắc chắn là vi phạm pháp luật:	A. Nam là người có năng lực hành vi đầy đủ, do không chú ý nên đã đi vào đường ngược chiều. B. Bắc vô cớ dùng dao đâm chết Bình C. Hùng là người có trí tuệ bình thường, gây thương tích cho B D. Cả ba phương án trên	A	2	2
79.	Trường hợp nào trong các phương án sau đây, lỗi của chủ thể có hình thức là cố ý trực tiếp:	A. Chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi và mong muốn hậu quả đó xảy ra B. Chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi, tuy	A	2	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra C. Chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi nhưng do cầu thả nên vẫn thực hiện hành vi D. Chủ thể nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi nhưng cho rằng hậu quả đó có thể ngăn chặn được			
80.	Văn bản nào sau đây không phải là văn bản áp dụng pháp luật:	A. Bản án của tòa án B. Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học thương mại về việc kỷ luật sinh viên C. Pháp lệnh D. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Công an	C	2	2
81.	Chủ thể có thẩm quyền ban hành Nghị định là:	A. Chính phủ. B. Chủ tịch nước. C. Thủ tướng Chính phủ. D. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	A	2	2
82.	Chủ thể nào sau đây có thẩm quyền ban hành Nghị quyết với tư cách là văn bản quy phạm pháp luật:	A. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. B. Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân. C. Quốc hội, Hội đồng nhân dân. D. Chủ tịch nước, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân.	C	2	2
83.	Xác định hình thức lỗi của Ánh, khi Ánh say rượu và đã gây tai nạn giao thông làm Sáng chết:	A. Vô ý do cầu thả B. Vô ý vì quá tự tin C. Cố ý gián tiếp D. Không có lỗi	B	2	3
84.	Khẳng định nào sau đây sai:	A. Sự kiện pháp lý là mọi sự kiện xảy ra trong thực tế đời sống B. Sự kiện pháp lý gồm sự biến pháp lý và hành vi pháp lý C. Sự kiện pháp lý phải là những sự kiện thực tế có ý nghĩa về mặt pháp lý D. Không phải mọi sự kiện xảy ra trong đời sống đều là sự kiện pháp lý	A	2	3
85.	Khẳng định nào sau đây là sai:	A. Vi phạm pháp luật luôn là hành vi trái pháp luật B. Người vi phạm pháp luật luôn có lỗi C. Mọi hành vi trái pháp luật gây thiệt hại nghiêm trọng cho các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ đều là hành vi vi phạm pháp luật D. Vi phạm pháp luật do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện	C	2	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
86.	Khẳng định nào sau đây là sai:	<p>A. Một người có thể phải chịu trách nhiệm hành chính và trách nhiệm kỷ luật đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện</p> <p>B. Một người có thể phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm kỷ luật đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện</p> <p>C. Một người có thể phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm dân sự đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện</p> <p>D. Một người chỉ phải chịu một loại trách nhiệm pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ đã thực hiện</p>	D	2	3
87.	Khẳng định nào sau đây là sai:	<p>A. Người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong tình trạng say rượu không phải chịu trách nhiệm pháp lý</p> <p>B. Người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi phạm tội trong tình trạng say rượu vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự</p> <p>C. Người có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình trạng say rượu vẫn phải chịu trách nhiệm hành chính</p> <p>D. Người có năng lực trách nhiệm dân sự thực hiện hành vi vi phạm dân sự trong tình trạng say rượu vẫn phải chịu trách nhiệm dân sự</p>	A	2	3
88.	Việt và Mai là vợ chồng. Năm 2001, hai người lập di chúc chung. Năm 2002 Việt chết. Năm 2005 Mai chết. Năm 2006 tiến hành chia di sản. Thời điểm di chúc có hiệu lực là:	<p>A. Năm 2005.</p> <p>B. Năm 2002.</p> <p>C. Năm 2001.</p> <p>D. Năm 2006.</p>	A	3	1
89.	Trường hợp nào sau đây không làm chấm dứt quyền sở hữu của Mai đối với điện thoại:	<p>A. Mai bán điện thoại.</p> <p>B. Điện thoại của Mai bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tịch thu vĩnh viễn.</p> <p>C. Mai bị mất điện thoại.</p> <p>D. Điện thoại của Mai bị cháy trong vụ hỏa hoạn.</p>	C	3	1
90.	Độ tuổi được quy định là sẽ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự là:	<p>A. Từ 16 tuổi</p> <p>B. Từ 18 tuổi</p> <p>C. Đủ 16 tuổi</p> <p>D. Đủ 18 tuổi</p>	D	3	1
91.	Nội dung của quyền sở hữu bao gồm:	<p>A. Quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt</p> <p>B. Quyền quản lý, quyền sử dụng và</p>	A	3	1

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		quyền định đoạt C. Quyền chiếm hữu, quyền đòi lại tài sản và quyền định đoạt D. Quyền thừa kế, quyền sử dụng và quyền định đoạt			
92.	Ông Ân có con là Xuân, 35 tuổi. Xuân đã lấy vợ là Hoa và có hai con nhỏ là Minh và Nguyệt. Năm 2008, ông Ân lập di chúc hợp pháp, để cho Xuân toàn bộ di sản, sau đó ông Ân bị mất trí. Năm 2009 Xuân chết do hỏa hoạn. Tháng 3 năm 2010, ông Ân mất do già yếu. Hãy chọn phương án đúng trong các phương án sau:	A. Xuân được nhận di sản theo di chúc của Ân B. Hoa được nhận di sản của Ân thay Xuân C. Di sản của Ân được chia theo pháp luật D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	1
93.	Đối tượng nào sau đây không thuộc hàng thừa kế thứ nhất:	A. Con nuôi của người để lại di sản được pháp luật thừa nhận B. Con dâu, con rể của người để lại di sản C. Con ngoài giá thú của người để lại di sản D. Con riêng của vợ hoặc chồng của người để lại di sản, có quan hệ với người đó như cha con, mẹ con	B	3	1
94.	Giao dịch dân sự là:	A. Hợp đồng B. Hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương C. Hành vi pháp lý đơn phương D. Cả 3 phương án trên đều sai	B	3	1
95.	Đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự là quan hệ về tài sản và quan hệ nhân thân phát sinh trong:	A. Quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, đất đai, lao động B. Quan hệ dân sự, đầu tư, hôn nhân và gia đình C. Quan hệ dân sự và lao động D. Quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động	D	3	1
96.	Am có tài sản riêng là 200 triệu, có hai con là Cư và Dư. Am lập di chúc để lại 100 triệu đồng cho Cư với điều kiện Cư phải đánh Ban để trả thù cho Am. 100 triệu đồng còn lại Am để lại cho Dư không có điều kiện kèm theo. Hãy xác định tính hợp pháp của di chúc.	A. Phần di chúc liên quan đến di sản mà Cư được hưởng bị vô hiệu, phần di chúc liên quan đến phần di sản mà Dư được hưởng có hiệu lực pháp luật B. Toàn bộ di chúc vô hiệu C. Toàn bộ di chúc có hiệu lực D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	1
97.	Sở hữu chung của vợ chồng là:	A. Sở hữu chung thống nhất B. Sở hữu chung theo phần C. Sở hữu chung hỗn hợp D. Sở hữu chung hợp nhất	D	3	1
98.	Am có vợ là Bình và có con gái là Cẩm (19 tuổi và có khả năng lao động), con nuôi là Dương (12 tuổi), em trai là Phú. Nếu Am chết và có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho Phú thì những người nào được hưởng thừa kế di sản của Am:	A. Phú B. Bình và Phú C. Bình, Dương và Phú D. Bình, Cẩm, Dương và Phú	C	3	1
99.	Trường hợp nào sau đây không phải là	A. Ông Ái thấy mình ốm nặng, gọi	A	3	1

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
	thừa kế:	con gái là chị Bình đến để cho 500 triệu đồng, hai ngày sau ông A mất B. Chị Bình nhận 500 triệu đồng từ di sản của ông A theo di chúc C. Chị Bình nhận 500 triệu đồng từ di sản của ông A theo pháp luật D. Cả ba phương án trên			
100.	Chủ sở hữu tài sản có quyền:	A. Chiếm hữu tài sản B. Sử dụng tài sản C. Định đoạt đối với tài sản D. Cả ba phương án trên	D	3	1
101.	Đối tượng nào sau đây thuộc hàng thừa kế thứ nhất:	A. Cha, mẹ, vợ, chồng, của người để lại di sản B. Con đẻ của người để lại di sản C. Con nuôi của người để lại di sản được pháp luật thừa nhận D. Cả ba phương án trên đều đúng	D	3	1
102.	Quan hệ xã hội nào sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật dân sự:	A. An nhận tiền lương tháng do doanh nghiệp chi trả B. An mua xe máy của Bốn để dùng C. An nhận thừa kế của Cúc D. An tặng đồng hồ cho Bốn nhân ngày sinh nhật	A	3	1
103.	Di sản thừa kế bao gồm:	A. Tài sản riêng của người chết B. Phần tài sản của người chết trong khối tài chung với người khác C. Quyền về tài sản do người chết để lại D. Cả 3 phương án trên đều đúng	D	3	1
104.	Tài sản bao gồm:	A. Tiền B. Vật C. Giấy tờ có giá và quyền tài sản D. Cả ba phương án trên	D	3	1
105.	Di chúc miệng có nhiều người làm chứng có hiệu lực trong thời hạn:	A. Năm tháng B. Ba tháng C. Một năm D. Hai năm	B	3	1
106.	Người thừa kế theo pháp luật được xác định trên cơ sở:	A. Quan hệ hôn nhân B. Quan hệ nuôi dưỡng C. Quan hệ huyết thống D. Cả 3 phương án trên	D	3	1
107.	Con nuôi được pháp luật thừa nhận là hàng thừa kế thứ nhất của:	A. Con đẻ của người nuôi con nuôi B. Bố, mẹ của người nuôi con nuôi C. Bố nuôi, mẹ nuôi, bố đẻ, mẹ đẻ D. Cả 3 phương án trên đều đúng	C	3	1
108.	Thời điểm mở thừa kế là:	A. Thời điểm người có tài sản chết B. Thời điểm chia di sản thừa kế C. Thời điểm mà tất cả những người thừa kế nhận phần di sản được chia D. Cả ba phương án trên	A	3	1
109.	Cá nhân có năng lực pháp luật dân sự từ thời điểm nào:	A. Thời điểm được sinh ra B. Khi được sinh ra, trừ trường hợp được hưởng thừa kế di sản của cha là thời điểm thành thai	B	3	1

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		C. Đủ 6 tuổi D. Đủ 18 tuổi			
110.	Độ tuổi bắt đầu có năng lực hành vi dân sự là:	A. Đủ 6 tuổi. B. Đủ 15 tuổi. C. Đủ 16 tuổi. D. Đủ 18 tuổi.	A	3	1
111.	Di chúc của người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ có hiệu lực pháp lý khi:	A. Di chúc miệng, có nhiều người làm chứng. B. Được lập thành văn bản C. Được lập thành văn bản và được sự đồng ý của người giám hộ D. Di chúc miệng được sự đồng ý của người giám hộ	C	3	1
112.	Quan hệ tài sản là:	A. Quan hệ xã hội hình thành giữa con người với con người thông qua một tài sản cụ thể B. Quan hệ xã hội hình thành giữa con người với con người và không nhất thiết phải gắn với một tài sản cụ thể C. Quan hệ giữa con người với tài sản D. Quan hệ giữa tài sản với tài sản	A	3	1
113.	Con nuôi chỉ được hưởng thừa kế theo pháp luật của bố (mẹ nuôi) khi:	A. Được pháp luật thừa nhận B. Bố (mẹ nuôi) cho phép C. Con đẻ của bố (mẹ nuôi) đã chết D. Tất cả các phương án trên đều đúng	A	3	1
114.	Khanh chết mà không để lại di chúc. Ai trong số những người sau đây không được hưởng thừa kế theo pháp luật:	A. Con nuôi hợp pháp của Khanh. B. Con dâu của Khanh. C. Con ngoài giá thú của Khanh. D. Mẹ đẻ của Khanh.	B	3	1
115.	Hung và Dương là hai bố con. Trong trường hợp nào sau đây, Dương bị tước quyền thừa kế:	A. Dương đã giả mạo di chúc của Hung để được hưởng thừa kế. B. Dương đánh Hung gây thương tích và đã bị Tòa án kết án về hành vi đó. C. Dương có hành vi ngược đãi Hung và đã bị Tòa án kết án về hành vi đó. D. Cả ba phương án trên.	D	3	1
116.	Hòa thuê nhà của Minh để ở, vậy:	A. Minh chỉ chuyển giao cho Hòa quyền chiếm hữu ngôi nhà B. Minh chỉ chuyển giao cho Hòa quyền sử dụng ngôi nhà C. Minh đã chuyển giao cho Hòa quyền sở hữu ngôi nhà D. Minh đã chuyển giao cho Hòa quyền chiếm hữu và sử dụng ngôi nhà	D	3	2
117.	Việc chiếm hữu của Dũng thuộc loại nào sau đây khi Dũng mua điện thoại của Hùng mà không biết điện thoại đó là do Hùng trộm cắp của người khác:	A. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình. B. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật không ngay tình. C. Chiếm hữu có căn cứ pháp luật. D. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.	A	3	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
118.	Người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc phải bao gồm những đối tượng sau:	A. Con chưa thành niên; cha; mẹ; vợ; chồng của người chết. B. Con chưa thành niên; cha; mẹ; vợ; chồng; con đã thành niên mà không có khả năng lao động của người chết. C. Vợ; chồng; cha đẻ; mẹ đẻ; cha nuôi; mẹ nuôi; con đẻ; con nuôi của người chết. D. Cha; mẹ; vợ; chồng; con đã thành niên mà không có khả năng lao động của người chết.	B	3	2
119.	Người lập di chúc không có quyền nào trong các quyền sau:	A. Để lại toàn bộ di sản dùng vào việc thờ cúng nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản. B. Di tặng. C. Không cho người thừa kế hưởng di sản. D. Để lại di sản cho người không được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.	A	3	2
120.	Khẳng định nào sau đây là sai:	A. Trong một giao dịch dân sự có thể chỉ có sự tham gia của một chủ thể. B. Trong một giao dịch dân sự có thể có sự tham gia của ba chủ thể. C. Trong một giao dịch dân sự có thể có sự tham gia của một, hai hoặc ba chủ thể. D. Trong một giao dịch dân sự chỉ có sự tham gia của hai chủ thể.	D	3	2
121.	Do bị bệnh nặng, nên Nam đã để lại di chúc miệng trước nhiều người làm chứng. Di chúc của Nam có hiệu lực trong trường hợp:	A. Nam chết sau hai tháng, kể từ ngày để lại di chúc. B. Nam chết ngay sau khi nói xong ý nguyện của mình. C. Sau ba tháng kể từ ngày để lại di chúc, Nam vẫn sống nhưng bị mất trí. D. Tất cả các phương án trên đều đúng.	D	3	2
122.	Di chúc có thể được lập dưới hình thức:	A. Chữ viết hoặc tiếng nói của dân tộc thiểu số B. Miệng. C. Văn bản. D. Cả 3 phương án trên.	D	3	2
123.	Quyền sử dụng đất của ông Ban là loại tài sản nào sau đây:	A. Giấy tờ có giá. B. Vật. C. Quyền tài sản. D. Cả ba phương án trên	C	3	2
124.	Đông, 30 tuổi, bị tâm thần từ nhỏ. Năng lực hành vi dân sự của Đông sẽ thuộc trường hợp:	A. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự B. Bị mất năng lực hành vi dân sự C. Năng lực hành vi dân sự chưa đầy đủ D. Có năng lực hành vi dân sự	B	3	2
125.	Do bị bệnh nặng, nên An đã để lại di chúc miệng trước nhiều người làm chứng. Di	A. Sau ba tháng kể từ ngày để lại di chúc, An vẫn sống khỏe mạnh	A	3	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
	chức của An sẽ không còn hiệu lực trong trường hợp:	bình thường B. An chết sau một tháng, kể từ ngày để lại di chúc C. An chết sau hai tháng, kể từ ngày để lại di chúc D. Sau ba tháng kể từ ngày để lại di chúc, An vẫn sống nhưng bị mất trí			
126.	Di chúc vô hiệu trong trường hợp nào sau đây:	A. Di chúc miệng của người từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi, có sự đồng ý của người giám hộ B. Di chúc bằng văn bản của người từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi, có sự đồng ý của người giám hộ C. Di chúc miệng của người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự D. Di chúc bằng văn bản của người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự	A	3	2
127.	Câu khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với tài sản B. Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa những giá trị nhân thân với nhau C. Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với người gắn liền với một giá trị nhân thân nào đó D. Cả 3 khẳng định trên đều đúng	C	3	2
128.	An có vợ là Nga và con gái là Cúc, con nuôi là Du, em trai là Pha (không có khả năng lao động). Nếu An chết không để lại di chúc thì có những người nào được hưởng thừa kế di sản của An:	A. Nga, Cúc và Du B. Nga, Cúc, Du và Pha C. Nga và Cúc D. Cúc và Du	A	3	2
129.	Người thừa kế có thể là:	A. Cá nhân còn sống vào thời điểm mở thừa kế B. Tổ chức còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế C. Nhà nước D. Cả 3 phương án trên đều đúng	D	3	2
130.	Giao dịch dân sự nào sau đây là vô hiệu:	A. Giao dịch do người không đủ tuổi chịu trách nhiệm pháp lý thực hiện B. Giao dịch được thiết lập giữa 2 chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi C. Giao dịch được thiết lập dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật D. Giao dịch có nội dung không trái pháp luật được các bên tự nguyện thỏa thuận	A	3	2
131.	Chiếm hữu tài sản có nghĩa là:	A. Sự nắm giữ, quản lý tài sản B. Sự khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản C. Sự chuyển giao quyền sở hữu tài sản D. Sự từ bỏ quyền sở hữu	A	3	2
132.	Chủ thể nào sau đây có quyền để lại di sản	A. Tổ chức	B	3	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
	thừa kế:	B. Cá nhân C. Cá nhân, tổ chức D. Công dân			
133.	Người chiếm hữu tài sản có căn cứ pháp luật bao gồm:	A. Chủ sở hữu tài sản B. Người được chủ sở hữu cho phép C. Người được chiếm hữu theo quy định của pháp luật D. Cả ba phương án trên	D	3	2
134.	Phương án nào sau đây là sai:	A. Các con của người để lại di sản đều có quyền hưởng thừa kế ngang nhau mà không phụ thuộc vào nội dung di chúc B. Cha, mẹ và vợ của người để lại di sản đều có quyền hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc C. Con chưa thành niên của người để lại di sản có quyền hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc D. Con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động có quyền hưởng thừa kế của người để lại di sản mà không phụ thuộc vào nội dung di chúc	A	3	2
135.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Người không phải chủ sở hữu vẫn có thể có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản B. Người không phải chủ sở hữu thì không có quyền chiếm hữu tài sản C. Người không phải chủ sở hữu thì không có quyền sử dụng tài sản D. Người không phải chủ sở hữu thì không có quyền định đoạt đối với tài sản	A	3	2
136.	Ân, Bàn là hai vợ chồng có tài sản chung là 900 triệu, có hai con là Cường (16 tuổi) và Đạt (10 tuổi). Vừa qua, Ân và Cường đi xe bị tai nạn, Ân chết ngay tại chỗ. Với sự đồng ý của Bàn, trước khi chết Cường để lại di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại toàn bộ tài sản của mình cho Đạt. Hãy cho biết số di sản mà Đạt được hưởng sau khi Cường và Ân chết là bao nhiêu? Biết Cường còn có tài sản trị giá 50 triệu do chú ruột tặng trước khi chết.	A. 350 triệu đồng B. 250 triệu đồng C. 150 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3
137.	Ân là con của ông Bình. Trong trường hợp nào sau đây, Ân có thể bị tước quyền thừa kế di sản của Bình:	A. Ân đã bị Tòa án kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà người bị hại là ông Bình. B. Ân đã bị Tòa án kết án về tội cố gây thương tích mà người bị hại là ông Bình nhưng vẫn được ông Bình cho hưởng di sản trong di	C	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		chức. C. Ân đã bị Tòa án kết án về tội cố gây thương tích mà người bị hại là ông Bình. D. Ân đã bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản của ông Bình.			
138.	Ông An và bà Thái là vợ chồng có tài sản chung là 780 triệu đồng, có 2 con chung là Minh và Nga. Năm 2004 bà Thái chết, Minh và Nga về sống với ông bà ngoại, không quan hệ gì với ông Thái và bà Yến. Năm 2005, ông An lấy vợ mới là bà Yến có con chung là Phương và tuyên bố tài sản của ông là tài sản chung với bà Yến. Đầu năm 2007 ông An chết không để lại di chúc. Năm 2008, Yến qua đời không để lại di chúc. Hãy cho biết Phương được hưởng bao nhiêu di sản của bà Yến:	A. 86,67 triệu đồng B. 260 triệu đồng C. 325 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3
139.	Anh Tân có vợ là chị Hạnh có tài sản chung là 1,8 tỷ đồng. Họ có 3 con là Minh (sinh năm 1983 đã đi làm và có thu nhập cao), Nam (sinh năm 1989), và Tâm (sinh năm 1993). Do cuộc sống chung không hạnh phúc Tân và Hạnh đã ly thân. Nam là đứa con hư hỏng, đã có lần đánh ông Tân gây thương tích và bị Toà án kết án về hành vi này. Năm 2006, Tân bị tai nạn xe máy. Trước khi chết trong bệnh viện, Tân có để lại di chúc miệng (trước nhiều người làm chứng) là để lại toàn bộ tài sản của mình cho ông bác ruột là Kiên, Hạnh đã kiện ra toà yêu cầu không chia tài sản thừa kế cho ông Kiên. Hãy cho biết ông Kiên được hưởng bao nhiêu di sản:	A. 400 triệu đồng B. 600 triệu đồng C. 900 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
140.	Anh Sơn có vợ là chị Lan có tài sản chung là 1,8 tỷ đồng. Họ có 3 con là Dung (sinh năm 1983 đã đi làm và có thu nhập cao), Minh (sinh năm 1989), và An (sinh năm 1993). Do cuộc sống chung không hạnh phúc Sơn và Lan đã ly thân. Minh là đứa con hư hỏng, đã có lần đánh ông Sơn gây thương tích và bị Toà án kết án về hành vi này. Năm 2006, Sơn bị tai nạn xe máy. Trước khi chết trong bệnh viện, Sơn có để lại di chúc miệng (trước nhiều người làm chứng) là để lại toàn bộ tài sản của mình cho ông bác ruột là Phong. Ông Phong từ chối nhận di sản. Hãy cho biết An được hưởng bao nhiêu di sản:	A. 300 triệu đồng B. 225 triệu đồng C. 450 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
141.	Anh Cường và chị Thịnh là vợ chồng, có tài sản chung là 1,8 tỷ đồng. Họ có hai con là Tùng (sinh năm 1987) và Trang (sinh năm 1992). Sau khi sinh con, anh chị bắt hoà sống ly thân. Ngày 01/01/2006, anh Cường bị tai nạn xe máy phải đưa vào Bệnh viện. Tưởng mình không qua khỏi,	A. 450 triệu đồng B. 600 triệu đồng C. 225 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
	anh Cường di chúc miệng (trước nhiều người làm chứng) để lại toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình cho Tùng và mẹ anh là bà Huệ (bố anh đã mất), mỗi người 1/2 tài sản của mình. Sau phẫu thuật ở Bệnh viện anh Cường ra viện khoẻ mạnh bình thường. Ngày 01/10/2007 anh Cường bị nhồi máu cơ tim chết đột ngột không trăng trối được gì. Hãy cho biết bà Huệ được hưởng bao nhiêu di sản thừa kế của anh Cường:				
142.	Anh Cường và chị Thịnh có tài sản chung là 1,8 tỷ đồng. Có hai con là Tùng (sinh năm 1987) và Trang (sinh năm 1992). Sau khi sinh con, anh chị bất hoà sống ly thân. Ngày 01/01/2006, anh Cường bị tai nạn xe máy phải đưa vào Bệnh viện. Trước khi chết trong bệnh viện, anh Cường di chúc miệng (trước nhiều người làm chứng) để lại toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình cho Tùng. Hãy cho biết Tùng được hưởng bao nhiêu di sản. Biết rằng anh Cường còn mẹ đẻ là bà Huệ.	A. 500 triệu đồng B. 450 triệu đồng C. 540 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
143.	Ông Nam và bà Bích là vợ chồng có tài sản chung là 180 triệu, có hai con là Minh, 20 tuổi đã đi làm và Ninh 15 tuổi. Nam có di chúc hợp pháp cho bạn mình là Sơn toàn bộ tài sản. Vậy, sau khi Nam chết Sơn sẽ được hưởng:	A. 30 triệu đồng B. 50 triệu đồng C. 20 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
144.	Hải và Bình là vợ chồng có tài sản chung là 180 triệu đồng. Họ có hai con là Mai (15 tuổi) và Nam (8 tuổi). Trong một tai nạn, biết mình không qua khỏi, trước khi chết một ngày, Hải di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là cho Mai chiếc xe máy trị giá 45 triệu. Hãy cho biết Nam sẽ được hưởng bao nhiêu di sản sau khi Hải chết:	A. 15 triệu đồng B. 20 triệu đồng C. 30 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
145.	Son và Hà là hai vợ chồng có tài sản chung là 1,8 tỉ, có hai con là Hạnh (15 tuổi) và Phúc (20 tuổi). Vừa qua, Son và Hạnh đi xe bị tai nạn. Lúc hấp hối, Son có di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại toàn bộ tài sản của mình cho Hạnh và Phúc. Với sự đồng ý của Son, Hạnh cũng di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại toàn bộ tài sản của mình cho Phúc. Sau khi để lại di chúc, ông Son qua đời. Vài giờ sau Hạnh cũng không qua khỏi. Hãy cho biết Hà sẽ được hưởng bao nhiêu từ di sản của hai bố con Son và Hạnh? Biết rằng Hạnh còn có tài sản trị giá 50 triệu do được bà ngoại tặng trước khi chết.	A. 200 triệu đồng B. 600 triệu đồng C. 400 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
146.	Ông Tài và bà Hoa là vợ chồng. Họ có hai	A. 147,33 triệu đồng	C	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phản	Cấp độ
	con là Văn (Văn có vợ là Phú và đã có 2 con chung là Cát và Tường) và Võ (12 tuổi). Năm 2005, anh Văn bị chết đột ngột. Năm 2006, ông Tài chết do bị tai nạn. Tòa án xác định tài sản chung của Văn và Phú là 520 triệu; tài sản chung của ông Tài và bà Hoa khi chưa nhận di sản của Văn là 780 triệu. Hãy cho biết tổng tài sản mà Tường được hưởng sau khi ông Tài mất là bao nhiêu:	B. 251,33 triệu đồng C. 125,67 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai			
147.	Thành và Hùng là anh em ruột. Hùng có con là Dung và Vân. Thành có vợ là Hường có tài sản chung là 900 triệu. Do không có con nên Thành nhận Vân làm con nuôi (đã được pháp luật công nhận), tuy nhiên Hường không đồng ý. Vừa qua, Hường gặp tai nạn chết đột ngột. Hãy cho biết Vân được hưởng bao nhiêu di sản sau khi Hường chết?	A. 0 đồng B. 225 triệu đồng C. 150 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
148.	Mình và Hoa là vợ chồng có tài sản chung 1,8 tỷ đồng. Họ có con là Khôi (25 tuổi đã đi làm và có thu nhập cao). Mình còn có một người cha là ông An và một người em ruột là Nam. Năm 2006, trước khi chết một ngày trong bệnh viện, Mình có di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại toàn bộ tài sản cho Lan (nhân tình của Mình). Hãy cho biết Lan được hưởng bao nhiêu di sản sau khi Mình chết:	A. 300 triệu đồng. B. 500 triệu đồng. C. 700 triệu đồng. D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
149.	Xuân và Vân là vợ chồng có tài sản chung là 1,8 tỷ. Họ có con là Minh và Mai. Tháng 5/2008, trong khi Vân đang mang thai thì Xuân mất. Xác định số tài sản mà Minh được hưởng từ di sản của Xuân nếu thai nhi chết lưu:	A. 225 triệu đồng B. 450 triệu đồng C. 300 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3
150.	Ông Tài và bà Hoa là vợ chồng. Họ có hai con là Văn (Văn lấy vợ là Phú và đã có 2 con chung là Cát và Tường) và Võ (12 tuổi). Năm 2005, anh Văn bị chết đột ngột. Năm 2006, ông Tài chết do bị tai nạn. Tòa án xác định tài sản chung của Văn và Phú là 520 triệu đồng; tài sản chung của ông Tài và bà Hoa khi chưa nhận di sản của Văn là 780 triệu đồng. Hãy cho biết tổng tài sản mà Tường được hưởng sau khi ông Tài mất là bao nhiêu:	A. 251,33 triệu đồng B. 125,67 triệu đồng C. 147,33 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
151.	Bảo và Ngọc là vợ chồng có tài sản chung là 480 triệu. Họ có con đẻ là Tâm và con nuôi hợp pháp là Dũng. Bảo còn có mẹ là Thoa. Năm 2005, Bảo chết không để lại di chúc. Năm 2006 Thoa chết đột ngột. Hãy xác định số tài sản mà Dũng được hưởng từ di sản của bà Thoa. Biết rằng trước khi hưởng di sản của Bảo, bà Thoa còn có khối tài sản là 840 triệu đồng:	A. 450 triệu đồng B. 300 triệu đồng C. 420 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	D	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
152.	Ông Tường có vợ là bà Hạnh và có hai con chung là Thuý (sinh năm 1983) và Nhung (sinh năm 1993). Ông bà đã gây dựng được khối tài sản chung trị giá 780 triệu đồng. Năm 1997, bà Hạnh qua đời có di chúc hợp pháp với nội dung là để lại toàn bộ tài sản của mình cho ông Tường. Hãy chia di sản thừa kế của bà Hạnh. Hãy cho biết ông Tường được hưởng bao nhiêu di sản của bà Hạnh?	A. 129,99 triệu đồng B. 216.66 triệu đồng C. 606,66 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
153.	An và Bình là hai vợ chồng có 3 người con là Nhân và Huy và Mạnh (Mạnh đã có vợ là Linh). Năm 2005, Mạnh chết do một tai nạn giao thông và có di chúc để lại một nửa tài sản của mình cho Linh. Di sản của Mạnh là 900.000.000VNĐ. Hãy biết Linh được hưởng bao nhiêu di sản:	A. 500 triệu đồng B. 450 triệu đồng C. 300 triệu đồng D. Tất cả các phương án trên đều sai	A	3	3
154.	Xuân và Vân là vợ chồng có tài sản chung là 1,8 tỷ. Họ có con là Minh và Mai. Tháng 5/2000, Vân mang thai 5 tháng, dự kiến đặt tên con là Phương. Tháng 6/2000, Xuân mất. Tháng 9/2000, Vân sinh Phương. Xác định số tài sản mà Minh được hưởng thừa kế nếu Vân và Phương chết cùng thời điểm trong một tai nạn giao thông sau khi ra viện:	A. 562,5 triệu đồng B. 375 triệu đồng C. 450 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
155.	Anh Vinh và chị Hoa là vợ chồng có tài sản chung là 600 triệu đồng. Họ có hai con là Phú (sinh năm 1990) và Quý (sinh năm 1995). Năm 2010, anh Vinh bị bỏng nặng. Tưởng mình không qua khỏi, ngày 10/01/2010 anh Vinh lập di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại một nửa tài sản cho vợ là chị Hoa, một nửa còn lại cho 2 con là Phú và Quý. Sau đó anh Vinh đã ra viện và khỏe mạnh bình thường. Ngày 20/5/2010, anh Vinh gặp tai nạn giao thông chết đột ngột. Hãy cho biết số di sản mà chị Hoa được hưởng sau khi anh Vinh chết là bao nhiêu.	A. 100 triệu đồng B. 400 triệu đồng C. 200 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
156.	Ban và Kim là vợ chồng, họ có con chung là Dũng và Phuong. Năm 2000, sau khi xây dựng được khối tài sản chung là 1,2 tỷ đồng, Ban đi lao động xuất khẩu tại Đức và chung sống như vợ chồng với Quyên. Ban và Quyên đã góp vốn kinh doanh với tỉ lệ bằng nhau nên đã xây dựng được khối tài sản chung là 6 tỷ đồng. Năm 2005, Ban về nước yêu cầu Kim ly hôn. Trong thời gian chờ Toà án giải quyết, Ban chết do bị tai nạn. Hãy cho biết Kim được hưởng bao nhiêu di sản sau khi Ban chết:	A. 1,2 tỷ đồng B. 1,4 tỷ đồng C. 0 đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	D	3	3
157.	Ông Tài và bà Hoa là vợ chồng. Họ có hai con là Văn (Văn lấy vợ là Phú và đã có 2 con chung là Cát và Tường) và Võ (12	A. 221 triệu đồng B. 147,33 triệu đồng C. 110,5 triệu đồng	B	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phản	Cấp độ
	tuổi). Năm 2005, anh Văn bị chết đột ngột. Năm 2006, ông Tài chết do bị tai nạn. Tòa án xác định tài sản chung của Văn và Phú là 520 triệu; tài sản chung của ông Tài và bà Hoa khi chưa nhận di sản của Văn là 780 triệu. Hãy cho biết Võ được nhận sau khi ông Tài mất là bao nhiêu di sản:	D. Cả 3 phương án trên đều sai			
158.	Son và Hà là vợ chồng có tài sản chung là 1,8 tỷ đồng. Họ có hai con là Hạnh (15 tuổi) và Phúc (20 tuổi). Vừa qua, Son và Hạnh đi xe bị tai nạn. Lúc hấp hối, Son có di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại toàn bộ tài sản của mình cho Hạnh và Phúc. Với sự đồng ý của Son, Hạnh cũng di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại toàn bộ tài sản của mình cho Phúc. Sau khi để lại di chúc, ông Son qua đời. Vài giờ sau Hạnh cũng không qua khỏi. Hãy cho biết di sản thừa kế Hạnh để lại là bao nhiêu? Biết rằng Hạnh còn có tài sản trị giá 50 triệu do được bà ngoại tặng trước khi chết.	A. 400 triệu đồng B. 450 triệu đồng C. 350 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
159.	Xuân và Vân là vợ chồng có tài sản chung là 1,8 tỷ. Họ có con là Minh và Mai. Tháng 5/2008 trong khi Vân đang mang thai thì Xuân mất. Xác định số di sản mà Minh được hưởng nếu thai nhi chết lưu:	A. 450 triệu đồng B. 225 triệu đồng C. 300 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3
160.	Ông Hưng và bà Bình là vợ chồng có tài sản chung là 180 triệu, có hai con là Mạnh, 10 tuổi và Nga, 8 tuổi. Hưng có di chúc hợp pháp cho bạn mình là Sinh toàn bộ tài sản. Vậy, sau khi Hưng chết Sinh sẽ được hưởng:	A. 30 triệu đồng B. 90 triệu đồng C. 50 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
161.	Hoàng và Nga là vợ chồng có tài sản chung 200 triệu. Hoàng sang Đức lao động xuất khẩu và làm thêm được 500 triệu. Hoàng về Việt Nam chơi và chết trong một tai nạn giao thông. Vậy, di sản của Hoàng là:	A. 350 triệu đồng B. 500 triệu đồng C. 250 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
162.	Anh Tiến và chị Hân là vợ chồng có tài sản chung là 1.500.000.000 đồng, có con chung là Mẫn (sinh năm 1995). Anh chị nhận Cảnh làm con nuôi và được pháp luật thừa nhận. Trước khi lấy Tiến, Hân có đứa con riêng là Trâm sinh năm 1978, Trâm không quan hệ với anh Tiến. Năm 2003, Cảnh 23 tuổi đã đi làm và có thu nhập cao, Mẫn còn nhỏ và đang đi học. Năm 2006. Anh Tiến và chị Hân đi du lịch Thái Lan không may bị tai nạn và chết cùng thời điểm. Hãy cho biết Trâm được hưởng bao nhiêu di sản:	A. 250 triệu đồng B. 375 triệu đồng C. 500 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
163.	Hậu có vợ là Ly có tài sản chung là 1,3 tỷ đồng. Họ có 3 con chung là Tùng, Nam, Phương (đều đã đi làm và có thu nhập cao). Do cuộc sống chung không hạnh	A. 155,56 triệu đồng B. 200 triệu đồng C. 166,67 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
	phúc, Hậu và Ly đã ly thân. Tùng sống với Hậu, còn Nam và Phương sống với Ly. Tùng là đứa con hư hỏng, đã có lần đánh ông Hậu gây thương tích và đã bị Toà án kết án về hành vi này. Năm 2006, Hậu bị tai nạn xe máy. Trước khi chết, Hậu có viết di chúc là để lại cho ông bác ruột là Hải 200 triệu, phần còn lại chia đều cho Nam và Phương. Hãy cho biết Hải sẽ được hưởng bao nhiêu từ di sản của Hậu:				
164.	Hậu có vợ là Ly có tài sản chung là 1,3 tỷ đồng. Họ có 3 con chung là Tùng, Nam, Phương (Tùng sinh năm 1987 đã đi làm và có thu nhập cao; Nam sinh năm 1994; Phương sinh năm 1996). Do cuộc sống chung không hạnh phúc, Hậu và Ly đã ly thân. Tùng về sống với Hậu, còn Nam và Phương sống với Ly. Tùng là đứa con hư hỏng, đã có lần đánh ông Hậu gây thương tích và đã bị Toà án kết án về hành vi này. Năm 2006, Hậu bị tai nạn xe máy chết đột ngột không chẳng trời được gì. Hãy cho biết Phương được hưởng bao nhiêu từ di sản của Hậu:	A. 162,5 triệu đồng B. 216,67 triệu đồng C. 325 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	B	3	3
165.	Ân, Bàn là vợ chồng có tài sản chung là 900 triệu đồng, có hai con là Cương (sinh năm 1989, đã đi làm có thu nhập cao) và Đạt (sinh năm 1999). Năm 2009, Ân đi xe bị tai nạn, trước khi chết, Ân có di chúc miệng trước nhiều người làm chứng là để lại toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình cho Cương và Đạt. Hãy cho biết Bàn được hưởng bao nhiêu di sản:	A. 0 đồng B. 150 triệu đồng C. 100 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3
166.	Anh Tiến và chị Hân là vợ chồng có tài sản chung là 1.500.000.000 đồng, có con chung là Mẫn (sinh năm 1995). Anh chị nhận Cảnh làm con nuôi và được pháp luật thừa nhận. Năm 2003, Cảnh 23 tuổi đã đi làm và có thu nhập cao, Mẫn còn nhỏ và đang đi học. Năm 2006, anh Tiến chết. Chị Hân chết sau Tiến năm ngày và cũng không để lại di chúc. Hãy cho biết Mẫn được hưởng bao nhiêu di sản:	A. 1,5 tỷ đồng B. 375 triệu đồng C. 750 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3
167.	Anh Long và chị Bình là vợ chồng, có tài sản chung là 1,8 tỷ đồng. Họ có con chung là Mai và Nam (năm 2006, Mai 20 tuổi, đi làm có thu nhập cao và Nam 10 tuổi). Do cuộc sống bất hoà, anh chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng chưa được Toà giải quyết. Ngày 01 tháng 01 năm 2006, do hoả hoạn anh Long bị bỏng nặng và phải đưa vào Bệnh viện. Trước khi chết một ngày trong Bệnh viện, anh Long có di chúc miệng trước nhiều người là chứng là để lại 1/2 tài sản của mình cho người em ruột là Kiên	A. 200 triệu đồng B. 150 triệu đồng C. 225 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phản	Cấp độ
	(Bố mẹ anh Long đều đã mất). Hãy cho biết Nam được hưởng bao nhiêu di sản của anh Long				
168.	Xuân và Vân là hai vợ chồng có tài sản chung là 800 triệu đồng. Họ có con là Minh và Mai. Minh có vợ là Bình, có hai con là Tuấn và Huệ. Tháng 5/2005, Vân mang thai 5 tháng, dự kiến đặt tên con là Quỳnh. Tháng 6/2005, Xuân chết.. Cuối năm 2005, sau khi sinh Quỳnh được 3 tháng thì Vân và Minh bị tai nạn chết cùng thời điểm. Hãy cho biết Tuấn được hưởng bao nhiêu tài sản từ di sản của bà Vân:	A. 83,34 triệu đồng B. 166,67 triệu đồng C. Không được hưởng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
169.	Ông Tường (có con riêng là Thúy sinh năm 1990 và Nhung sinh năm 2003) kết hôn với bà Loan. Năm 2005, họ sinh con chung là Hưng. Trong thời gian sống chung, ông Tường và bà Loan cùng gây dựng được một khối tài sản trị giá 2 tỷ đồng. Năm 2010, ông Tường chết do bị bệnh hiểm nghèo. Trước đó, ông Tường đã có di chúc là để lại toàn bộ tài sản của mình cho bà Loan. Hãy cho biết bà Loan được hưởng bao nhiêu di sản	A. 1 tỷ đồng B. 250 triệu đồng C. Cả ba phương án trên đều sai D. 666,67 triệu đồng	D	3	3
170.	Ông An và bà Thái là vợ chồng có tài sản chung là 780 triệu đồng, có 2 con chung là Minh và Nga. Năm 2004 bà Thái chết. Năm 2005, ông An lấy vợ mới là bà Yến có con chung là Phương và tuyên bố tài sản của ông là tài sản chung với bà Yến. Đầu năm 2007 ông An chết không để lại di chúc. Hãy cho biết bà Yến được hưởng bao nhiêu di sản.	A. 260 triệu đồng B. 325 triệu đồng C. 65 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	C	3	3
171.	Ông Tường có vợ là bà Hạnh có tài sản chung là 2 tỷ đồng. Họ có hai con chung là Thúy (sinh năm 1987) và Nhung (sinh năm 2003). Năm 2007, bà Hạnh qua đời có di chúc hợp pháp với nội dung là để lại toàn bộ tài sản của mình cho ông Tường. Hãy cho biết ông Tường được hưởng bao nhiêu di sản của bà Hạnh	A. 777,8 triệu đồng B. 1 tỷ đồng C. 555,6 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
172.	Ông Hân và bà Lan là hai vợ chồng có tài sản chung là 1,2 tỷ đồng. Họ có con là Phát và Quân. Phát đã lấy vợ là Như và có con là Minh, Nhung. Năm 2005, Phát chết. Năm 2006, Hân chết do tai nạn không để lại di chúc. Mai táng cho Hân hết 20 triệu. Hãy cho biết Minh được hưởng bao nhiêu di sản của Hân	A. 96,67 triệu đồng B. 0 đồng C. 98,33 triệu D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3
172.	Ông Tường (có con riêng là Thúy sinh năm 1990 và Nhung sinh năm 2003) kết hôn với bà Loan (có con riêng là Hân sinh năm 2000). Ông Tường chăm sóc và nuôi dưỡng Hân như con đẻ. Năm 2005, Tường	A. 133,33 triệu đồng B. 0 đồng C. 200 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	A	3	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
	và Loan sinh con chung là Hưng. Trong thời gian sống chung, ông Tường và bà Loan cùng gây dựng được một khối tài sản trị giá 2 tỷ đồng. Năm 2010, ông Tường bị chết do bị bệnh hiểm nghèo. Trước đó, ông Tường đã có di chúc hợp pháp là để lại toàn bộ tài sản của mình cho bà Loan. Hãy cho biết Hân được hưởng bao nhiêu di sản				
174.	Ông Tường (có con riêng là Thúy và Nhung) kết hôn với bà Loan (có con riêng là Hân). Ông Tường chăm sóc và nuôi dưỡng Hân như con đẻ. Năm 2005, họ làm thủ tục xin con nuôi là Hưng. Trong thời gian sống chung, ông Tường và bà Loan cùng gây dựng được một khối tài sản trị giá 2 tỷ đồng. Năm 2010, ông Tường bị tai nạn chết đột ngột không để lại di chúc. Mai táng cho ông Tường hết 10 triệu. Hãy cho biết các chủ thể trong quan hệ thừa kế nói trên được hưởng bao nhiêu di sản	A. 199 triệu đồng B. 247,5 triệu đồng; riêng Hân không được hưởng di sản C. 247,5 triệu đồng; riêng Hưng không được hưởng di sản D. Cả ba phương án trên đều sai	D	3	3
175.	Ông Hân và bà Lan là hai vợ chồng có con là Phát và Quân. Phát đã lấy vợ là Như và có con là Minh, Nhung. Năm 1996, Phát chết không để lại di chúc. Biết rằng Phát và Như có tài sản chung là 820 triệu đồng. Mai táng phí cho Phát hết 10 triệu. Kết quả chia di sản trong trường hợp trên sẽ là	A. 81 triệu đồng B. 82 triệu đồng C. 83 triệu đồng D. Cả ba phương án trên đều sai	D	3	3
176.	Theo quy định của Bộ luật Dân sự, trường hợp nào sau đây được coi là chiếm hữu bất hợp pháp nhưng ngay tình:	A. Xuân năm tuổi, sang nhà hàng xóm lấy đồng hồ về nhà để làm đồ chơi B. Sơn là sinh viên, nhặt được điện thoại di động đã giữ lại để sử dụng C. Ánh mua xe đạp của Bình mặc dù đã biết chiếc xe đó do B lấy trộm của người khác D. Cả ba phương án trên	A	3	3
177.	Việc chiếm hữu của Hoa thuộc loại nào sau đây khi Hoa mua xe máy của Hải mà không có giấy tờ xe:	A. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật, không ngay tình B. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình C. Chiếm hữu có căn cứ pháp luật D. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật	A	3	3
178.	Trường hợp nào sau đây không phát sinh quyền sử dụng tài sản:	A. Người chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật không ngay tình B. Chủ sở hữu tài sản C. Người được chủ sở hữu cho phép sử dụng D. Người được sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật	A	3	3
179.	Chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính có thể là:	A. Cơ quan nhà nước B. Cá nhân C. Tổ chức xã hội D. Cả ba phương án trên đều đúng	D	4	2
180.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Quan hệ pháp luật hành chính là	A	4	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		<p>một trong những loại quan hệ có sự bất bình đẳng giữa các bên tham gia.</p> <p>B. Chỉ trong quan hệ pháp luật hành chính mới có sự bất bình đẳng giữa các bên tham gia.</p> <p>C. Mọi quan hệ pháp luật hành chính có sự bình đẳng giữa các bên tham gia.</p> <p>D. Nếu có sự bất bình đẳng giữa các chủ thể tham gia một quan hệ pháp luật thì quan hệ đó là quan hệ pháp luật hành chính.</p>			
181.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	<p>A. Viện kiểm sát nhân dân không thể là đối tượng quản lý trong quan hệ pháp luật hành chính.</p> <p>B. Người nước ngoài không thể là đối tượng quản lý trong quan hệ pháp luật hành chính.</p> <p>C. Ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, mọi tổ chức khác đều là đối tượng quản lý trong quan hệ pháp luật hành chính.</p> <p>D. Đối tượng quản lý trong quan hệ pháp luật hành chính có thể là mọi cá nhân, tổ chức.</p>	D	4	2
182.	Hành vi gây thiệt hại được thực hiện bởi một người chưa đủ 14 tuổi không phải là vi phạm hành chính, vì:	<p>A. Người thực hiện hành vi không có lỗi</p> <p>B. Người đó chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hành chính</p> <p>C. Hành vi đó không trái pháp luật</p> <p>D. Hành vi đó không nguy hiểm cho xã hội</p>	B	4	2
183.	Chế tài nào đã được áp dụng trong trường hợp An bị cảnh sát phạt 150.000 đồng về hành vi không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe mô tô:	<p>A. Chế tài kỷ luật</p> <p>B. Chế tài hình sự</p> <p>C. Chế tài hành chính</p> <p>D. Chế tài dân sự</p>	C	4	2
184.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	<p>A. Trong quan hệ pháp luật hành chính, có thể không có sự tham gia của cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>B. Trong quan hệ pháp luật hành chính, buộc phải có sự tham gia của cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>C. Trong quan hệ pháp luật hành chính, luôn chỉ có một bên là cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>D. Giữa hai công dân, trong mọi trường hợp không thể hình thành quan hệ pháp luật hành chính</p>	A	4	3
185.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	<p>A. Trong mọi trường hợp, hậu quả của hành vi không phải là yếu tố bắt buộc trong cấu thành của vi phạm hành chính.</p> <p>B. Hậu quả của hành vi là yếu tố bắt buộc trong cấu thành của một vi phạm hành chính cụ thể.</p>	B	4	3

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
		C. Nếu chưa gây ra hậu quả thì hành vi nguy hiểm cho xã hội không thể trở thành vi phạm hành chính. D. Cả ba phương án trên đều đúng.			
186.	Không xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp nào sau đây:	A. Hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng pháp luật không quy định là vi phạm hành chính B. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hành chính C. Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính D. Cả ba phương án trên	D	4	3
187.	Trong luật hình sự, phạt tiền là:	A. Hình phạt bổ sung B. Hình phạt chính C. Hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung D. Biện pháp tư pháp khác	C	5	1
188.	Chế tài nào sau đây luôn là chế tài hình sự:	A. Tù có thời hạn B. Phạt tiền C. Cảnh cáo D. Cả ba phương án trên	A	5	1
189.	Người không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm nghiêm trọng là:	A. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi B. Người từ đủ 18 tuổi trở lên C. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi D. Cả ba phương án trên	A	5	1
190.	Chế tài hình sự được áp dụng đối với:	A. Tổ chức B. Cá nhân C. Pháp nhân D. Cả ba phương án trên đều đúng	B	5	1
191.	Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm là:	A. Người từ đủ 14 tuổi trở lên B. Người từ đủ 16 tuổi trở lên C. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi D. Cả 3 phương án trên	B	5	1
192.	Cải tạo không giam giữ là:	A. Biện pháp tư pháp khác. B. Biện pháp xử phạt hành chính. C. Hình phạt chính. D. Hình phạt bổ sung.	C	5	1
193.	Hình phạt là biện pháp pháp lý mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với:	A. Cá nhân phạm tội. B. Cá nhân vi phạm pháp luật dân sự C. Các tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính. D. Cán bộ, công chức, người lao động, học sinh, sinh viên vi phạm kỷ luật.	A	5	1
194.	Đối với mỗi tội phạm, kèm theo hình phạt chính có thể tuyên:	A. Một hình phạt bổ sung B. Nhiều hình phạt bổ sung C. Không áp dụng hình phạt bổ sung nào D. Cả ba phương án trên	D	5	2

STT	Nội dung câu hỏi	Phương án	Đáp án	Phần	Cấp độ
195.	Loại chế tài nào sau đây không áp dụng đối với tổ chức:	A. Tù có thời hạn. B. Cảnh cáo. C. Phạt tiền. D. Tịch thu tài sản.	A	5	2
196.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Phạt tiền chỉ được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức phạm tội, vi phạm hành chính hoặc vi phạm dân sự B. Phạt tiền chỉ được áp dụng đối với cá nhân phạm tội, vi phạm hành chính hoặc vi phạm dân sự C. Phạt tiền được áp dụng đối với người phạm tội; cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính; cá nhân, tổ chức vi phạm dân sự D. Phạt tiền được áp dụng đối với người phạm tội; cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính; cá nhân, tổ chức vi phạm dân sự; cá nhân, tổ chức vi phạm kỷ luật	C	5	2
197.	Phương án nào sau đây là sai:	A. Người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm B. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm C. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng D. Người dưới 18 tuổi không bị áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình	A	5	2
198.	Loại chế tài nào sau đây không phải là hình phạt:	A. Cảnh cáo B. Án treo C. Phạt tiền D. Tù có thời hạn	B	5	3
199.	Khẳng định nào sau đây là đúng:	A. Một hành vi bị coi là tội phạm thì không thể là vi phạm hành chính B. Một hành vi có thể bị coi là tội phạm, vừa bị coi là vi phạm kỷ luật C. Một hành vi vừa bị coi được coi là tội phạm, vừa bị coi là vi phạm kỷ luật và vi phạm dân sự D. Cả ba phương án trên đều đúng	D	5	3
200.	Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là vi phạm pháp luật, vì:	A. Hành vi đó không trái pháp luật. B. Người thực hiện hành vi có lỗi vô ý. C. Mức độ thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. D. Hành vi đó gây nguy hiểm không đáng kể cho xã hội.	A	5	3